NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LỰA CHỌN NGÀNH QUỐC TẾ HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

A STUDY ON FACTORS AFFECTING THE CHOICE OF INTERNATIONAL STUDIES MAJOR AT THE UNIVERSITY OF DANANG - UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES

Nguyễn Thị Ngọc Anh*, Đỗ Thị Ngọc Cẩm, Nguyễn Thị Yến Trinh

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam[1]

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ntngocanh@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 25/02/2024; Sửa bài / Revised: 17/3/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 25/3/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.072NN

Tóm tắt - Bài nghiên cứu này chủ yếu phân tích các nhân tố tác động của việc lựa chọn ngành Quốc tế học (QTH) tại Khoa QTH, Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN). Phương pháp định lượng được thực hiện đối với 809 sinh viên đã học, đang học và sinh viên tiềm năng, đồng thời tiến hành phỏng vấn sâu định tính với 25 đối tượng có liên quan. Kết quả thu thập được chỉ ra rằng 6 nhân tố đều có liên quan đến quyết định lựa chọn ngành học này nhưng với mức độ tác động khác nhau và được sắp xếp lần lượt theo thứ tự: (1) đặc điểm của Trường ĐHNN - ĐHĐN; (2) đặc điểm học sinh, sinh viên; (3) đặc điểm của ngành; (4) cơ hội việc làm; (5) ảnh hưởng từ những người xung quanh; (6) ảnh hưởng của truyền thông. Dựa trên kết quả thu thập được, bài báo đưa ra những đề xuất để tuyển sinh thành công để từng bước đưa ngành học này phát triển bền vững.

Từ khóa - Quốc tế học; sự lựa chọn ngành; nhân tố tác động; Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Abstract - This study mainly analyzes the factors affecting the choice of International Studies (ILS) at the Faculty of ILS, The University of Danang - University of Foreign Languages (UD - UFLS). The quantitative survey method is used for 809 students who have studied, are studying, and are potential students, while simultaneously performing in-depth qualitative interviews with 25 relevant stakeholders. The results show that all 6 factors have an impact on the decision to choose this study major, but the level of impact differs between each one. The influencing factors are ranked in the following order: (1) characteristics of UD - UFLS; (2) characteristics of students; (3) characteristics of the major; (4) job opportunities; (5) surrounding social influence, (6) Media influence. Based on the results, the research article proposes solutions to successfully recruit students, and gradually push this study major to achieve sustainable development.

Key words - International Studies; Industry choice; Impact factors; The University of Danang - University of Foreign Languages Studies

1. Đặt vấn đề

Mặc dù, ngành QTH, Trường ĐHNN - ĐHĐN đã có những cải thiện trong hoạt động giảng dạy và đã được kiểm định chất lượng quốc tế từ Hội đồng Đảm bảo chất lượng Mạng lưới các trường Đại học khu vực Đông Nam Á (AUN-QA), tuy nhiên tình hình tuyển sinh những năm gần đây vẫn tăng chậm và điểm chuẩn đầu vào cũng chỉ nằm ở mức trung bình so với các ngành khác của trường. Bài nghiên cứu này tìm ra 6 lý do tác động đến việc lựa chọn ngành học này và từ đó đưa ra những biện pháp dành cho Nhà trường và khoa QTH trong việc tăng cường các hoạt động tuyển sinh, công tác giảng dạy, kế hoạch đào tạo và quản lý để thu hút sinh viên, đồng thời xây dựng ngành QTH trở thành ngành học có chất lượng cao và uy tín của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và cả nước.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu trong nước

Trong rất nhiều bài nghiên cứu về chủ đề chọn trường, chọn ngành được tìm thấy, bài viết này xem xét 7 nghiên cứu tiêu biểu và mỗi trường hợp đều mang tính điển hình. Qua đó, xác định được tổng cộng 13 nhân tố tác động, số lượng các nhân tố giao động từ 3 đến 9, trung bình mỗi nghiên cứu có khoảng 5 nhân tố. Cụ thể, nghiên cứu [1] khai thác đối tượng trường PTTH nói chung, nghiên cứu [2] tập trung tìm hiểu học sinh lớp 12 nói riêng, nghiên cứu [3] phản ánh về một trường đại học cụ thể, nghiên cứu [4] đề cập một trường cao đẳng cụ thể, nghiên cứu [5] chỉ ra tình hình các đại học ở Việt Nam nói chung, nghiên cứu [6] xem xét một ngành học cụ thể và nghiên cứu [7] nghiên cứu đối với trường hợp ngành QTH.

Điều đáng chú ý là có 3 nhân tố không được xem là quan trọng nhất hoặc ít ảnh hưởng nhất lại cùng xuất hiện trong 4 nghiên cứu, điển hình như vấn đề ảnh hưởng của truyền thông (1), ảnh hưởng của những người xung quanh (2) và đặc điểm ngành học (3). Trong đó, nhân tố truyền thông (1) được đề cập ở vị trí thứ 5 trong nghiên cứu [1], vị trí thứ 4 trong nghiên cứu [2], cùng vị trí thứ 2 trong nghiên cứu [4] và [5]. Nhân tố sự ảnh hưởng của những người xung quanh (2) cũng được xếp vị trí thứ 4 trong nghiên cứu [1], [3], đồng thời xếp vị trí thứ 2 trong nghiên cứu [6], [7]. Nhân tố đặc điểm ngành học cũng bao gồm 4 nghiên cứu với vị trí thứ 1 trong nghiên cứu [2], [3]; vị trí thứ 4 trong nghiên cứu [5] và vị trí thứ 3 trong nghiên [7].

Ba nhân tố tiếp theo đồng thời có 3 bài nghiên cứu đề cập đến là đặc điểm cá nhân người học (4), đặc điểm trường

[1] The University of Danang - University of Foreign Languages Studies, Vietnam (Nguyen Thi Ngoc Anh, Do Thi Ngoc Cam, Nguyen Thi Yen Trinh)

(5) và danh tiếng của trường (6). Đối với nhân tố đặc điểm cá nhân người học (4) xếp vị trí thứ 3 trong nghiên cứu [1], [3] và xếp vị trí 1 trong nghiên cứu [7]. Nhân tố đặc điểm của trường xếp vị trí thứ 2 trong nghiên cứu [1], [2], và là nhân tố xếp vị trí 1 trong nghiên cứu [7]. Nhân tố danh tiếng trường đại học xếp vị trí 5 trong nghiên cứu [2], vị trí 3 trong nghiên cứu [5] và xếp vị trí 1 trong nghiên cứu [6].

Hai nhân tố cơ hội việc làm (7), chi phí học tập (8) có 2 nghiên cứu đề cập đến. Cơ hội việc làm được xếp vị trí 1 trong nghiên cứu [1] và vị trí thứ 3 trong nghiên cứu [2]. Chi phí học tập được xếp vị trí 1 trong nghiên cứu [4] và xếp vị trí 3 trong nghiên cứu [6].

Những nhân tố còn lại như xuất hiện một lần trong các nghiên cứu, cụ thể: giao tiếp của khoa (9) xếp trí 2 trong nghiên cứu [3], lý do chọn trường (10) xếp vị trí thứ 3 trong nghiên cứu [5], nhân tố giảng viên (11) xếp vị trí thứ 4 trong nghiên cứu [6], nhân tố cơ sở vật chất (12) xếp vị trí thứ 5 trong nghiên cứu [6], và nhân tố sự thuận lợi trong việc đi lại (13) xếp vị trí 6 trong nghiên cứu [6].

Phần lớn các nghiên cứu xem xét các nhân tố tác động đến việc chọn trường, ít nghiên cứu khai thác nhân tố về ngành, đặc biệt là ngành QTH. Do đó, đây là một hướng nghiên cứu mới mẻ cần được triển khai.

2.2. Nghiên cứu ngoài nước

Vấn đề lựa chọn ngành học đã được học giả quốc tế khám phá dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Đối với việc quyết định chọn ngành học nói chung, trong bài nghiên cứu của Borchert khẳng định những yếu tố của việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh phổ thông, đây là nghiên cứu đối với những người học khi bắt đầu có sự lựa chọn con đường học tập phía trước [8]. Chapman [9] và Ming [10] đưa ra mô hình nói chung và khung khái niệm về các yếu tố thể chế liên quan đến sự lựa chọn trường đại học. Trong đó, mô hình của Chapman [9] là nghiên cứu cơ bản nhất khi đề cập đến các vấn đề chọn trường và được rất nhiều các nhà nghiên cứu tiếp tục phát huy. Mô hình này chỉ ra rằng quyết định lựa chọn trường của sinh viên được kết hợp bởi (1) đặc điểm bên trong và (2) những nhân tố bên ngoài.

Kế thừa nghiên cứu của Chapman [9], Cabre Nasa [11] đã chỉ ra vấn đề việc làm được ưu tiên xem xét khi quyết định nhập học. Mô hình Litten [12] đã cũng cố những nhân tố tác động đến việc chọn trường đại học. Jackson [13] và Gallagher và Hossler [14] đều chia thành ba giai đoạn lựa chọn trường. Ngoài ra, động lực từ công việc làm ảnh hưởng đến quyết định chọn trường cũng tìm thấy trong nghiên cứu của Kniveton [15]. Nghiên cứu về sự hài lòng trong việc quyết định chọn nghề nghiệp cũng được Soria and Huesman [16] đề cập đến. Những nghiên cứu phân tích về sự lựa chọn ngành học trong các ngành học cụ thể cũng được giới học giả quan tâm. Đối với việc lựa chọn ngành nghề tại một quốc gia cụ thể cũng được nghiên cứu. Điển hình là mô hình giáo dục đại học của Malaysia được Wagner and Fard [17] phân tích về các yếu tố liên quan đến quyết định học tập bậc đại học tại Malaysia.

Donald Super nhấn mạnh rằng, quá trình chọn ngành học rất quan trọng và người học cần phải hiểu rõ bản thân mình và ngành nghề để có quyết định sáng suốt [18]. Ngoài ra, thuyết Phù hợp nghề nghiệp (RIASEC) của Holland cũng cho rằng, một người sẽ phản triển bản thân tốt nhất khi được lựa chọn đúng ngành nghề theo sở thích [19]. Kotler và Fox nhấn mạnh rằng, một chiến lược quảng bá hình ảnh trường có sự đầu tư bài bản sẽ là công cụ thu hút và khơi gợi khát khao được học tập tại ngôi trường đó [20].

Việc lựa chọn ngành học còn phụ thuộc danh tiếng của trường vì một trường tốt sẽ mang lại cơ hội kết nối với mạng lưới nghề nghiệp và các cơ hội xã hội trong tương lai [14]. Thêm nữa, đặc thù của ngành nghề có thể khiến sinh viên ưu tiên chọn những trường có chương trình giáo dục hiệu quả về các ngành đó [14].

Mặc dù, các vấn đề lựa chọn về nhiều ngành học được tìm thấy, tuy nhiên những tìm hiểu ngành QTH, đặc biệt là ngành học này tại Việt Nam hiện vẫn đang còn rất ít được đề cập đến và càng không tìm thấy các nghiên cứu chuyên sâu. Đó là động lực to lớn cho tác giả thực hiện bài nghiên cứu về các nhân tố tác động đến sự lựa chọn ngành QTH, Trường ĐHNN - ĐHĐN.

3. Cơ sở lý luận và thực tiễn

3.1. Mô hình các nhân tố tác động

Kết hợp từ lý thuyết trong các nghiên cứu trước đây và và đặc trưng của ngành QTH, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

+ Giả thuyết A: việc lựa chọn ngành học xuất phát từ nhu cầu của chính bản thân người học, họ muốn được học ngành học theo chủ quan ý thích cá nhân, phù hợp với nguyện vọng và nhu cầu ([1]; [14]; [18]; [19]);

+ Giả thuyết B: sự kích thích ý định đối với người học nằm ở sự thu hút và thuyết phục bởi cách mà Nhà trường quảng bá trên thuyền thông ([2]; [9]; [20]);

+ Giả thuyết C: người học quan tâm tìm hiểu đến bản chất của chính trường mà mình muốn lựa chọn như uy tín, danh tiếng, những cống hiến cho xã hội, những nhân vật nổi bật tạo thương hiệu trường ([1]; [9]; [14]);

+ Giả thuyết D: việc tìm hiểu về ngành QTH, Trường ĐHNN - ĐHĐN về những đặc thù riêng, kiến thức phù hợp khiến cho người học bị thu hút ([1]; [14]);

+ Giả thuyết E: người học bị tác động bởi những người có liên quan khác trong quá trình lựa chọn ngành học ([1]; [9]);

+ Giả thuyết F: ngành QTH là ngành học mang đến nhiều cơ hội việc làm tại các tổ chức trong và ngoài nước ([7]).

Việc lựa chọn ngành QTH tại Trường ĐHNN - ĐHĐN của sinh viên khoa QTH được thiện hiện theo mô hình nghiên cứu trong Hình 1.

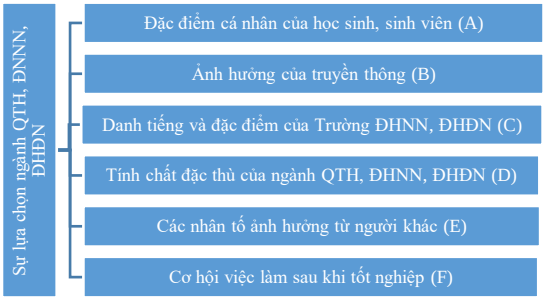

Hình 1. *Mô hình nghiên cứu 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự chọn ngành QTH, Trường ĐHNN - ĐHĐN*

Bảng 1 sau đây diễn giải các nhân tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành QTH, Trường ĐHNN - ĐHĐN của Hình 1.

Bảng 1. *Giải thích các nhân tố*

Biến độc lập	Ký hiệu
Nhân tố 1: Đặc điểm học sinh, sinh viên	**A**
Hiểu rõ về ngành	A1
Yêu thích ngành	A2
Lựa chọn ngành dựa trên tính cách	A3
Ngành phù hợp sẽ có tác động đến việc học tập	A4
Giới tính	A5
Nhân tố 2: Ảnh hưởng của truyền thông	**B**
Thường xuyên tìm kiếm thông tin về ngành	B1
Tìm kiếm thông tin trường ĐHNN - ĐHĐN	B2
Thông tin về ngành QTH đa dạng	B3
Trang tuyển sinh của trường có ích với bạn	B4
Nhân tố 3: Đặc điểm của trường	**C**
Uy tín của Trường ĐHNN - ĐHĐN	C1
Wifi	C2
Phòng học	C3
Bàn ghế	C4
Phòng vệ sinh	C5
Thiết bị dạy học	C6
Máy lạnh, máy quạt	C7
Máy tính	C8
Thư viện	C9
Khu tự học	C10
Khuôn viên sân trường	C11
Học phí	C12
Mức tăng học phí có lộ trình hợp lí	C13
Học bổng	C14
Vị trí trường	C15
Vấn đề giao thông	C16
Thuận lợi cho việc di chuyển giữa 2 cơ sở	C17
Nằm ở khu vực an ninh	C18
Nằm ở khu vực có nhiều dãy trọ sinh viên	C19
Nằm ở khu vực có nhiều hoạt động vui chơi - ăn uống	C20
Gần nhà	C21
Gần trường THPT từng đi học	C22
Sự hỗ trợ hành chính kịp thời	C23
Khách quan công bằng trong công tác hỗ trợ	C24
Thân thiện với sinh viên	C25
Tư vấn, cung cấp và phản hồi thông tin chính xác, đầy đủ	C26
Kết quả thi được đăng tải trên trang web	C27
Các thông tin công khai rõ ràng, minh bạch.	C28
Giải quyết vấn đề của sinh viên nhanh chóng	C29
Sức khỏe sinh viên được theo dõi định kì	C30
Hỗ trợ đăng kí thi các chứng chỉ	C31
Hoạt động sinh viên được tổ chức thường kì	C32
Các hoạt động chương trình hội thảo, đào tạo kĩ năng, ngoại khóa tâm lý đời sống, được thực hiện thường xuyên và hữu ích	C33
Thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện	C34
Thường xuyên tổ chức các lớp học cảm tình Đoàn, cảm tình Đảng,	C35
Nhân tố 4: Đặc điểm ngành QTH	**D**
Mức điểm chuẩn đầu vào những năm gần đây của ngành QTH là hợp lý	D1
Kế hoạch giảng dạy năm 1	D2
Kế hoạch giảng dạy năm 2	D3
Kế hoạch giảng dạy năm 3	D4
Kế hoạch giảng dạy năm 4	D5
Phân bổ chương trình đào tạo hợp lý	D6
Số lượng môn học trong một học kỳ hợp lý và cân đối	D7
Kế hoạch giảng dạy cân nhắc đến thực tế việc làm	D8
Khối lượng kiến thức từng môn được điều chỉnh ở mức hợp lý	D9
Hài hòa trong phân bổ giữacác học phần lý thuyết và thực hành	D10
Chú trọng kĩ năng thích ứng với công việc	D11
Sự liên kết giữa các học phần với nhau	D12
Kiến thức được giảng dạy theo định hướng nghề nghiệp cụ thể	D13
Thời lượng giảng dạy từng môn phù hợp	D14
Bài giảng có bố cục hợp lý, dễ theo dõi	D15
Hình thức thi đa dạng	D16
Bài tập nhóm	D17
Giáo trình/ tài liệu đầy đủ	D18
Cung cấp đề cương môn học	D19
Giảng viên công bằng khi đánh giá kết quả học	D20
Giảng viên có đánh giá bài tập chi tiết	D21
Ứng dụng đa dạng, công nghệ vào giảng dạy	D22
Định hướng chuyên ngành theo nhu cầu của sinh viên	D23
Hỗ trợ, hướng dẫn tìm đơn vị thực tập	D24
Việc phân chia chuyên ngành vào cuối năm 2 là hợp lý	D25
Chuẩn đầu ra ngành học hợp lý	D26
Nhân tố 5: Ảnh hưởng từ người xung quanh	**E**
Người thân trong gia đình	E1
Những người đã và đang theo học	E2
Người làm công tác tuyển sinh của Trường ĐHNN - ĐHĐN	E3
Không bị ảnh hưởng	E4
Bạn học và bạn bè	E5
Giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập	E6
Bộ phận tư vấn hướng nghiệp của trường THPT	E7
Nhân tố 6: Cơ hội việc làm	**F**
Nhiều công việc liên quan đang đăng tuyển	F1
Dễ xin việc nhận	F2
Mang tính ứng dụng thực tế việc làm	F3
Đa dạng lĩnh vực làm việc	F4

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp định lượng

Có 467 sinh viên đang theo học tại Khoa QTH, 332 học sinh Trung học Phổ thông (THPT) của các trường khác nhau và 10 cựu sinh viên ngành QTH được mời tham gia khảo sát. Phương pháp phát bảng hỏi trực tiếp kết hợp với bảng hỏi được xây dựng trên google form đồng thời được thực hiện. Những bảng hỏi được phát trực tiếp sau khi thu về được mã hóa và xử lí cùng với bảng hỏi trực tuyến thông qua phần mềm SPSS 20 để tiến hành phân tích số liệu.

4.2. Phương pháp định tính

Sử dụng kỹ thuật phỏng vấn sâu với 25 sinh viên, cựu sinh viên, phụ huynh có con em đang theo học ngành QTH

tại Trường ĐHNN - ĐHĐN và học sinh lớp 12 có nguyện vọng đăng ký ngành QTH Trường ĐHNN - ĐHĐN. Phương pháp phỏng vấn sâu cho phép nhóm tác giả có thể phân tích và hiểu rõ hơn về các yếu tố tác động cả bên ngoài và bên trong, như sự ảnh hưởng từ gia đình, bạn bè, trường học và các yếu tố khác như sở thích, khả năng và kỹ năng nhằm tìm hiểu được những quan điểm, suy nghĩ và kì vọng đối với ngành học này.

Buổi phỏng vấn sinh viên diễn ra tại phòng học Trường ĐHNN - ĐHĐN và học sinh THPT diễn ra trước cổng Trường THPT Nguyễn Hiền bắt đầu từ ngày 02/03/2023 - 09/03/2023 trong không gian thân mật, trên tinh thần tự nguyện, khuyến khích các đối tượng tham gia trả lời, tương tác với nhiều câu hỏi. Mỗi cuộc phỏng vấn khoảng 10 đến 30 phút và được ghi âm lại nhằm lưu trữ và phân tích dữ liệu. Sau mỗi cuộc phỏng vấn, các câu trả lời sẽ được ghi chú ngay trong ngày hoặc ngày hôm sau. Mục đích của buổi phỏng vấn giúp tìm ra những lý do chọn ngành QTH của sinh viên, đồng thời tìm ra những ưu, khuyết điểm vẫn đang tồn đọng. Kết quả phỏng vấn sâu được cô đọng, cụ thể:

Nhân tố 1: Đặc điểm cá nhân của học sinh, sinh viên

Tỷ lệ sinh viên nữ chiếm đa số, có khả năng về ngoại ngữ tốt, rất mạnh dạn trong biểu đạt ý kiến, nhạy bén trong tư duy, khả năng phân tích tình huống tốt và rất am hiểu về tình hình quốc tế. Trong môi trường thường xuyên được tiếp cận với tin tức quốc tế càng khiến cho sinh viên ngành này cởi mở và có sự đồng cảm liên văn hóa mạnh mẽ hơn.

Nhân tố 2: Ảnh hưởng của truyền thông

Là cầu nối quan trọng để truyền tải thông tin về các hoạt động của Nhà trường, mặc dù giao diện bắt mắt, nội dung phong phú, cập nhật liên tục, tuy nhiên website và fanpage của trường vẫn chưa thực sự tiếp cận nhiều đến sinh viên và sinh viên tiềm năng. Đa số thông tin được tìm hiểu qua truyền miệng, hội nhóm trên mạng xã hội, tư vấn từ những người đã từng học. Trong nhận thức chung của mọi người rằng trường ĐHNN - ĐHĐN chủ yếu đào tạo về các thứ tiếng, và thông tin về ngành QTH rất ít, do đó cần có sự tập trung đẩy mạnh về truyền thông.

Nhân tố 3: Đặc điểm của trường

Những người được phỏng vấn quan tâm nhiều đến danh tiếng của Nhà trường vì đây là cơ sở để xác định chất lượng giảng dạy, trình độ đầu ra sinh viên. Đối với vấn đề học phí, so với mặt bằng chung giữa các trường đại học, mức thu học phí của nhà trường hiện nay được đánh giá hợp lý. Ngoài ra, cơ sở vật chất của cơ sở 131 Lương Nhữ Hộc được hoàn thiện hơn so với cơ sở 41 Lê Duẩn. Vì cả hai địa điểm học đều nằm ở vị trí trung tâm, do đó rất thuận tiện cho việc đi lại của sinh viên. Đối với công tác hỗ trợ sinh viên vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng kì vọng của người học.

Nhân tố 4: Đặc điểm ngành QTH

Đặc thù của ngành học này là có tính đa dạng về khối lượng kiến thức vì có sự kết hợp giữa nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa… do đó mỗi người học sẽ có mức cảm thụ khác nhau tùy thuộc phần lớn vào khả năng tự học. Sinh viên cho rằng lượng kiến thức của năm thứ hai hơi nặng so với các năm học khác, cần cân đối giữa các học phần lý thuyết và thực hành không chỉ trong toàn chương trình học mà còn xét đến thời lượng cho từng năm học, từng học kì và trong từng môn học. Ngoài ra, chất lượng giảng dạy của giảng viên là điểm sáng cần được phát huy vì sinh viên đa phần cảm thấy rất hài lòng.

Nhân tố 5: Ảnh hưởng từ những người xung quanh

Những người thân trong gia đình đặc biệt là cha mẹ chiếm tỷ lệ ảnh hưởng cao nhất vì định hình suy nghĩ này trong một thời gian dài và xuất phát từ những cân nhắc về công việc sau này. Thầy cô giáo thông thường chỉ định hướng nghề nghiệp chung, thời gian tác động diễn ra trong thời gian ngắn hơn đặc biệt trong khoảng chuẩn bị hồ sơ chọn trường, tuy nhiên lại có sự tin tưởng rất cao từ người học. Đối với những học sinh có tư duy độc lập, thông thường sẽ tự lựa chọn ngành học theo ý thích và thảo luận với bạn bè đồng trang lứa nhiều hơn.

Nhân tố 6: Cơ hội việc làm

Với tên ngành học này, nhiều sinh viên kì vọng sẽ được làm việc trong môi trường đa quốc gia, đa văn hóa với mức lương cao nhưng lại rất không chắc chắn về công việc cụ thể sẽ làm, đó là trăn trở lớn nhất của sinh viên. Đối với ngành QTH, những sinh viên vẫn cần phải chú trọng rèn luyện thêm nhiều hơn ở khả năng ngoại ngữ, kĩ năng giao tiếp và thái độ làm việc để đáp ứng yêu cầu việc làm. Thực tế cho thấy, sinh viên ra trường có việc làm cao nhưng tỷ lệ được làm đúng với công việc yêu thích còn thấp.

4.3. Phân tích khám phá nhân tố

Để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, phương pháp nhân tố khám phá được sử dụng, đây cũng là kĩ thuật để phân tích hồi quy [21]. Phương pháp này cần tìm ra 5 tiêu chí:

Mức độ tin cậy (Cronbach Alpha) lớn hơn 0,7; hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5; trị số KMO nằm trong khoảng từ 0,5 đến 1; hệ số Sig. khi kiểm định Bartlett's Test để xác định sự tương quan giữa các biến quan sát nhỏ hơn 1; Kiểm định phương sai Cummulative variance lớn hơn 50%.

4.4. Phân tích hồi quy

Mô hình có 6 nhóm nhân tố lớn bao gồm 81 biến quan sát nhỏ, được phân tích theo công thức sau:

$$DEC = \beta_0 + \beta_1 A + \beta_2 B + \beta_3 C + \beta_4 D + \beta_5 E + \beta_6 F$$

Bảng 2. *Phân tích nhân tố khám phá*

Nhân tố	Biến số	Cronbach's Alpha	TB mức độ đồng ý
Đặc điểm hs, sv (A)	5	0,845	3,73
Ảnh hưởng truyền thông (B)	4	0,725	3,65
Đặc điểm của trường (C)	35	0,853	3,74
Đặc điểm của ngành (D)	26	0,745	3,72
Ảnh hưởng xung quanh (E)	7	0,730	3,70
Cơ hội việc làm (F)	4	0,818	3,71
Tổng biến số	**81**		**3,71**
			Đồng ý

5. Kết quả nghiên cứu

Theo mô hình đề xuất, áp dụng các kĩ thuật phân tích đã nêu, kết quả cho thấy, 6 nhân tố đều thể hiện sự tác động và không có nhân tố bị loại. Điều đó có thể thấy ở Bảng 1,

nhân tố khám phá đều đạt chuẩn (>0,7) và trung bình cộng mức độ đồng ý là tương đối cao (>3,6/5,0). Do đó, cả 6 nhân tố bao gồm cả các biến con đều có tác động đến lựa chọn ngành QTH tại Trường ĐHNN - ĐHĐN nhưng mức độ tác động không đồng đều.

Bảng 3. *Kiểm định KMO và Bartlett's Test*

Hệ số KMO		0,733
Bartlett's Test of Sphericity	Giá trị Chi-Square	3339,025
	Bậc tự do (df)	3240
	Hệ số Sig,	0,001

Theo kết quả của Bảng 2, hệ số KMO=0,733; Sig.=0,001<1 nên 81 biến đều có liên quan nhau.

Như ở Bảng 1, nhóm tác giả tiếp tục thực hiện xử lý số liệu bằng ma trận xoay nhân tố, kết quả như Bảng 3 thu được, điều này đúng như kỳ vọng ban đầu của giả thuyết. Tất cả 81 biến đều hợp lệ (>0,5), và có sự khác nhau về mức độ ảnh hưởng của các biến đến nhân tố lớn nói riêng và quyết định chọn ngành QTH tại Trường ĐHNN - ĐHĐN nói chung. Sự tác động này lần lượt được xếp theo thứ tự là: (1) đặc điểm của Trường ĐHNN - ĐHĐN, (2) đặc điểm học sinh, sinh viên, (3) đặc điểm của ngành, (4) cơ hội việc làm, (5) ảnh hưởng từ những người xung quanh, (6) ảnh hưởng của truyền thông.

Bảng 4. *Ma trận xoay nhân tố*

	1	2	3	4	5	6
C1	0,868					
C9	0,862					
C7	0,862					
C6	0,86					
C11	0,845					
C12	0,844					
C4	0,839					
C34	0,839					
C28	0,838					
C16	0,832					
C33	0,83					
C3	0,828					
C5	0,815					
C8	0,813					
C10	0,811					
C35	0,811					
C26	0,809					
C24	0,807					
C31	0,784					
C27	0,781					
C32	0,78					
C15	0,776					
C19	0,765					
C30	0,761					
C29	0,76					
C14	0,758					
C23	0,758					
C25	0,753					
C21	0,751					
C18	0,749					
C20	0,748					
C17	0,747					
C13	0,74					
C22	0,731					
C2	0,724					
A4		0,722				
A3		0,719				
A2		0,712				
A1		0,701				
A5		0,694				
D22			0,691			
D19			0,687			
D25			0,686			
D20			0,684			
D17			0,682			
D21			0,68			
D12			0,679			
D23			0,67			
D24			0,665			
D7			0,665			
D14			0,661			
D6			0,661			
D15			0,665			
D18			0,658			
D8			0,65			
D16			0,646			
D9			0,638			
D10			0,634			
D11			0,634			
D13			0,629			
D2			0,627			
D1			0,625			
D3			0,624			
D4			0,616			
D5			0,603			
D26			0,601			
F4				0,599		
F2				0,597		
F1				0,594		
F3				0,591		
E1					0,589	
E2					0,58	
E5					0,572	
E4					0,57	
E3					0,567	
E6					0,566	
E7					0,561	
B2						0,558
B1						0,554
B4						0,554
B3						0,55

6. Kết luận và đề xuất giải pháp

6.1. Kết luận

Thứ nhất, có 6 nhân tố tác động đối với việc lựa chọn ngành QTH tại Trường ĐHNN - ĐHĐN; các nhân tố này có sự tương quan với nhau và điều này trùng với những lý thuyết về việc chọn trường đã công bố trước.

Thứ hai, từ kết quả nhóm tác giả thu được qua các phương pháp đã nêu, kết quả cho thấy các nhân tố lần lượt được xếp theo thứ tự là: (1) đặc điểm của Trường ĐHNN - ĐHĐN, (2) đặc điểm học sinh, sinh viên, (3) đặc điểm của ngành, (4) cơ hội việc làm, (5) ảnh hưởng từ những người xung quanh, (6) ảnh hưởng của truyền thông. Kết quả bài nghiên cứu này khẳng định đặc điểm Trường ĐHNN - ĐHĐN là vấn đề chính trong việc chọn ngành QTH. Điều này trùng khớp với nghiên cứu Phan Thị Ly và những tác

giả khác [5] về ấn tượng danh tiếng Trường và nghiên cứu của nhóm tác giả [6] khẳng định rằng danh tiếng và chất lượng của tổ chức giáo dục là vấn đề cốt lõi. Các nhân tố còn lại cũng phù hợp với các nghiên cứu đã được tìm thấy, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng có sự thay đổi về trật tự.

Tóm lại, người học sẽ trải qua quá trình đấu tranh tư tưởng phức tạp bởi nhiều lý do. Nắm bắt và tận dụng các nhân tố kể trên là căn cứ cần quan tâm để có sự khởi đầu thuận lợi trên bước đường chinh phục kiến thức, kĩ năng học tập và làm việc sau này.

6.2. Đề xuất giải pháp

Các nhân tố then chốt tác động đến việc lựa chọn ngành QTH tại trường ĐHNN - ĐHĐN đã mở ra những hướng đi mới cho người học tiềm năng thêm sự lựa chọn đối với ngành học thú vị này. Nhà trường cần xem xét nghiêm túc các phương thức hiệu quả để đẩy mạnh ưu thế của ngành học trong thời đại hội nhập và khai thác nguồn lực giáo dục hiện có.

6.2.1. Giải pháp để tuyển sinh thành công

Giá trị của một ngôi trường là nhân tố cốt lõi nhất khi một người học xem xét ý định học tập vì đây là nơi gắng bó tuổi trẻ, sự nhiệt huyết và công việc trong tương lai vì vậy việc xây dựng và lan tỏa hình ảnh trường ĐHNN - ĐHĐN là bước mấu chốt để tuyển sinh hiệu quả nhất cho ngành QTH. Với ưu thế về vị trí trọng điểm của khu vực miền Trung - Tây Nguyên về nhiều mặt, Trường ĐHNN - ĐHĐN cũng đi đầu trong đào tạo ngành học đặc biệt này. Bộ phận truyền thông của nhà trường là đơn vị đảm nhận nhiệm vụ truyền tải thông điệp sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường, về giảng dạy, đoàn thể, hội sinh viên, các sự kiện của trường trên những nền tảng thông tin và trực tuyến hướng đến tất cả các đối tượng có liên quan và người học tiềm năng.

6.2.2. Giải pháp điều chỉnh kế hoạch giảng dạy

Có thể nói, chương trình và kế hoạch giảng dạy thật sự là mảng công việc thường được xem là khung sườn cốt lõi và được dày công nghiên cứu biên soạn của một ngành đào tạo do đó những nhà quản trị giáo dục thường quan tâm hoàn thiện hơn là thay đổi và làm mới. Tuy nhiên do đặc thù ngành nghiên cứu về Quốc tế nên việc lồng ghép tính cập nhật thời sự của tình hình thế giới, xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo tính lý thuyết và thực tế để dung hòa lượng kiến thức ngành quá lớn và mang ý nghĩa thực tiễn.

Tăng cường hiệu quả thực tập, tương tác, trao đổi, đồng thời thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, công ty để nắm được hiệu quả sử dụng kiến thức đã được học của sinh viên vào thực tiễn công việc.

Nhà trường thực hiện kiểm định thường xuyên kế hoạch giảng dạy theo tiêu chí hoàn thiện tối ưu nhất để nâng cao vai trò của ngành học. Tuy nhiên, cần tránh trường hợp hoạt động kiểm định này mang đến quá nhiều áp lực cho Nhà trường, cho các phòng ban, khoa, giảng viên và cả sinh viên vì phải tiêu tốn quá nhiều thời gian, công sức và chi phí.

6.2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy

Trong thời đại số hóa, kiến thức được cập nhập thường xuyên, sinh viên rất nhạy bén với những thông tin được dung nạp hằng ngày, do đó yêu cầu đặt ra là giảng viên cần thay đổi tư duy để theo kịp thời công nghệ. Đặc biệt, ngành QTH cần phải lưu ý vì lượng tin tức thời sự thế giới được đăng tải hằng ngày, hằng giờ. Hãy để mỗi giờ giảng là một sự hứng thú cho cả thầy và trò vì có thể cùng nhau thảo luận về những vấn đề chuyên môn đặc thù này. Bài giảng truyền thống với trải nghiệm thực tế, sắp xếp giờ học trải nghiệm tại các di tích văn hóa tại bản địa, tham quan bảo tàng, xem phim, nghe nhạc, chơi trò chơi nhằm tạo cảm giác mới mẻ cho sinh viên trong từng giờ học.

Mỗi giáo viên hãy coi mình như một người học, cần tranh thủ thời gian để tham gia nâng cao chuyên môn thông qua việc tự học, trao đổi học thuật lẫn nhau và phát triển nghề nghiệp, kỹ năng dạy học và phương pháp giảng dạy mới nhất.

6.2.4. Giải pháp nâng cao cơ sở vật chất

Theo chủ trương của trường ĐHNN - ĐHĐN, ngành QTH đã đi đầu toàn trường khi sử dụng các phần mềm như LMS3, MS Teams, Exams để giao nộp bài tập về nhà, nhận tài liệu, dạy học và thi trực tuyến, do đó đòi hỏi cơ sở vật chất phải đảm bảo quá trình giảng dạy bằng cách nâng cấp hệ thống máy tính và internet với mục đích có thể truy cập thông tin và tài liệu một cách thuận lợi nhất. Việc số hóa này cần được đẩy mạnh để phù hợp với tiêu chí tự học của sinh viên. Thêm nữa, việc này được diễn ra thường xuyên khiến sinh viên dần dần sẽ thích ứng với việc làm việc trực tuyến trong các công ty tổ chức đa quốc gia trong tương lai.

6.2.5. Đối với công tác hỗ trợ sinh viên

Các trường hợp sinh viên thắc mắc nên được cán bộ các phòng ban hỗ trợ nhiệt tình giúp sinh viên giải đáp nhanh chóng và triển khai các hệ thống đánh giá cụ thể để tiếp thu ý kiến đóng góp.

Nhà trường cần thường xuyên tổ chức các buổi tư vấn nghề nghiệp nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành học và định hướng công việc sau khi tốt nghiệp. Tổ chức các chương trình workshop kết hợp tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa giữa các sinh viên nước ngoài đang học chương trình ngắn hạn cũng như chính quy tại bộ môn Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, khoa QTH bởi vì những sinh viên này sống và học tập tại đây trong một thời gian đủ dài để có sự hiểu biết nhất định về Việt Nam. Đây chính là sự chia sẻ về chính quốc gia và văn hóa bản địa chính xác, gần gũi, tự nhiên và chủ động nhất.

6.2.6. Giải pháp nâng cao hoạt động sinh viên

Website, fanpage, email, pano, áp phích, tờ rơi là các kênh truyền thông Nhà trường cần chú trọng trong công tác quảng bá.

Các sự kiện âm nhạc, hoạt động ngoại khóa, chương trình mang tính học thuật cần được tổ chức và khen thưởng những cá nhân xuất sắc nhằm khuyến khích sự tập trung học tập và chia sẻ gánh nặng tài chính làm cho người học cảm thấy yên tâm học tập.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2022-DN05-03

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] T. V. Quy and C. T. Hao, "Factors influencing high school students' college decisions", *Journal of Science and Technology Development*, vol. 12, no. 15, pp. 87-102, 2009.

[2] N. P. Toan, "*Survey of factors affecting school choice of 12th grade high school students in Tien Giang province",* Institute for Educational Quality Assurance, Hanoi National University, Hanoi, Vietnam, Master's thesis report, 2011.

[3] N. M. Ha, "Factors affecting students choosing Ho Chi Minh City Open University", *Journal of Science of open University of HCMC*, vol. 2, no. 6, pp. 107-117, 2011.

[4] H. N. K. Giao and T. T. N. Lan, "About the intention to choose to study at Hoa Binh Xuan Loc Vocational College", *Journal Economics–Technology*, vol. 3, no. 29, pp. 1-11, 2020.

[5] P. T. Ly and other authors, "Factors affecting students' decisions to choose a school at some Universities in Vietnam", *Journal of theoretical research*, vol. 10, no. 133, pp. 1-6, 2016.

[6] H. N. M. Kha, N. D. Chinh, and P. T. T. Nhu, "Factors influencing students' choices in learning a foreign language – a case study at the University of Danang - University of Foreign Language Studies", *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 20, no. 2, pp. 31-35, 2022.

[7] N. T. N. Hoa, D. T. H. Lien, and N. T. L. Anh, "Factors affecting the decision to choose courses of students of the International faculty, Ha Noi National University", *Journal of Vietnamese science and education*, vol. 5, no. 128, pp. 54-56, 2016.

[8] M. Borchert, "*Career choice factors of high school students".* University of Wisconsin-Stout, USA, Research Paper for the Master of Science Degree, December 2002.

[9] D. W. Chapman, "A model of student college choice", *The Journal of Higher Education*, vol. 52, no. 5, pp. 490-505, 1982.

[10] J. S. K. Borchert, "Institutional factors influencing students' college choice decision in Malaysia: A conceptual framework", *International Journal of Business and Social Scienc*, vol. 1, no. 3, pp. 53-58, 2010.

[11] A. F. Cabre and S. M La Nasa, "*Understanding the college choice of disadvantaged students".* San Francisco: Jossey-Bass: New Directions for Institutional Research, vol. 2000, no. 107, pp. 5-22, 2000.

[12] L. H. Litten, "Different strokes in the applicant pool: Some refinements in a model of student college choice", *The Journal of Higher Education*, vol. 53, no. 4, pp. 383-402, 1982.

[13] G. A. Jackson, "Public efficiency and private choice in higher education", *Educational evaluation and policy analysis*, vol. 4, no. 2, pp. 237-247, 1982.

[14] K. S. Gallagher and D. Hossler, "Graduation rates in higher education programs: What enrollment trends show", *The Review of Higher Education*, vol. 10, no. 4, pp. 369-372, 1987.

[15] B. H. Kniveton, "The influences and motivations on which students base their choice of career", *Research in education*, vol. 72, no.1, pp. 47-59, 2004.

[16] K. M. Soria, M. J. Stebleton, and R. L. Huesman Jr, "Class counts: Exploring differences in academic and social integration between working-class and middle upper-class students at large, public research universities", *Journal of College Student Retention: Research, Theory & Practice*, vol. 15, no. 2, pp. 215-242, 2013.

[17] K. Wagner and P. Y. Fard, "Factors influencing Malaysian students' intention to study at a higher educational institution", *E-Leader Kuala Lumpur*, 2009. [Online]. Available: http://library.oum.edu.my/repository/365/1/Wagner-Fard.pdf [Accessed February 20, 2024].

[18] D. E. Super, *The psychology of careers; An introduction to vocational development*, New York: Harper & Row, 1957.

[19] J. L. Holland, *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments*, Odessa, FL: Psychological Assessment Resources, 1997.

[20] P. Kotler and K. F. A. Fox, *Strategic marketing for educational institutions*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 1995.

[21] D. P. Ho, "*Quantitative research methods and practical research in agricultural and development economics*", Ho Chi Minh City: Phuong Dong Publishing House, 2011.